



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 45 (từ 05/11 – 09/11/2018)



ĐIỂM TIN

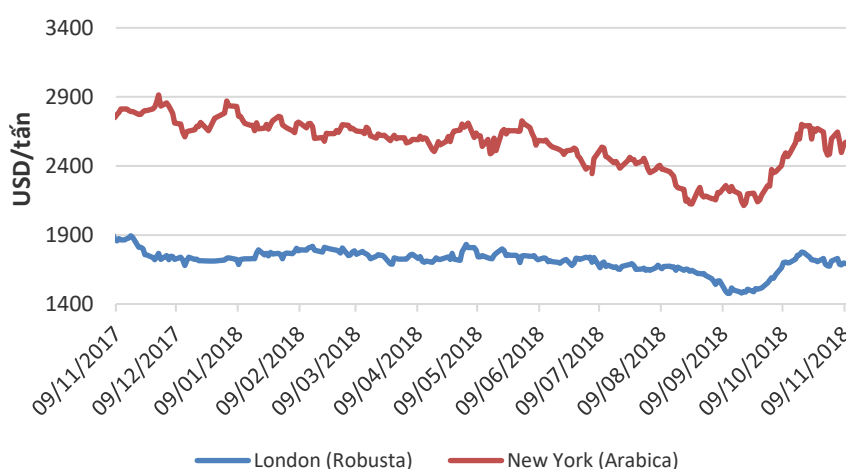
Giá cà phê Robusta tuần này tăng 2,4 USD so với tuần trước

Giá cà phê Arabica tuần này tăng 0,9% so với tuần trước

Xu hướng giá cà phê trong tuần tới có thể giảm do biến động đồng Real của Brazil.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Giá cà phê đóng cửa tại các sàn London và NewYork



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE, www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1.698,2 USD/tấn, chỉ tăng 2,4 USD so với tuần trước và thấp hơn 9,6% so với cùng kỳ năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.729 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.683 USD/tấn [1].

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần này đạt 2.569 USD/tấn, tăng 0,9% so với tuần trước và thấp hơn 7,3% so với cùng thời điểm năm 2017. Giá cao nhất trong



tuần đạt 2.646,6 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.496,7 USD/tấn [1].

Xu hướng giá cà phê robusta và arabica trong tuần qua đã chứng lại, không tiếp tục đà giảm của tuần trước. Mức giá trung bình của tuần này và tuần trước có sự thay đổi rất nhỏ trong bối cảnh thế giới tuần qua không có nhiều thông tin ảnh hưởng đến thị trường ngành cà phê. Tuy nhiên, về cuối tuần, đồng Real Brazil lại bị yếu rất nhanh, chỉ trong 2 ngày, giảm 2,7% từ 1 USD = 3,67 Real lên 3,68 Real khiến giá cà phê giảm theo. Nếu xu hướng này tiếp diễn, giá cà phê thế giới trong tuần tới có thể sẽ giảm sâu hơn. [2]

Một số thông tin đáng chú ý trong ngành cà phê trong tuần qua:

Theo báo cáo từ Liên đoàn người trồng cà phê Colombia, sản lượng cà phê trong tháng 10 của nước này đạt 1,1 triệu bao, cao hơn 1,2% so với tháng trước. Trong khi đó, lượng xuất khẩu trong tháng đạt 1 triệu bao, thấp hơn 6,8% so với mức 1,08 triệu bao của cùng kỳ niên vụ trước. Trong niên vụ 2017/2018, sản lượng cà phê Colombia đạt 14 triệu bao và xuất khẩu đạt 13 triệu bao.

Tại Brazil, theo Hiệp hội người xuất khẩu cà phê (Cecafe) nước này, năm nay cà phê robusta của Brazil cũng được mùa, nên không chỉ dùng trong sản xuất cà phê hòa tan trong nước mà còn xuất ra nước ngoài và chuyển đến sàn robusta của London. Từ tháng 7 đến nay, hơn 550 ngàn bao robusta của Brazil được phân loại tại sàn London, góp 52% tăng trưởng lượng cà phê dự trữ tại đây. Riêng trong tháng 10/2018, Brazil đã xuất khẩu 3,45 triệu bao cà phê, gồm 3,09 triệu bao arabica và 0,36 triệu bao robusta (loại bao 60 kg).



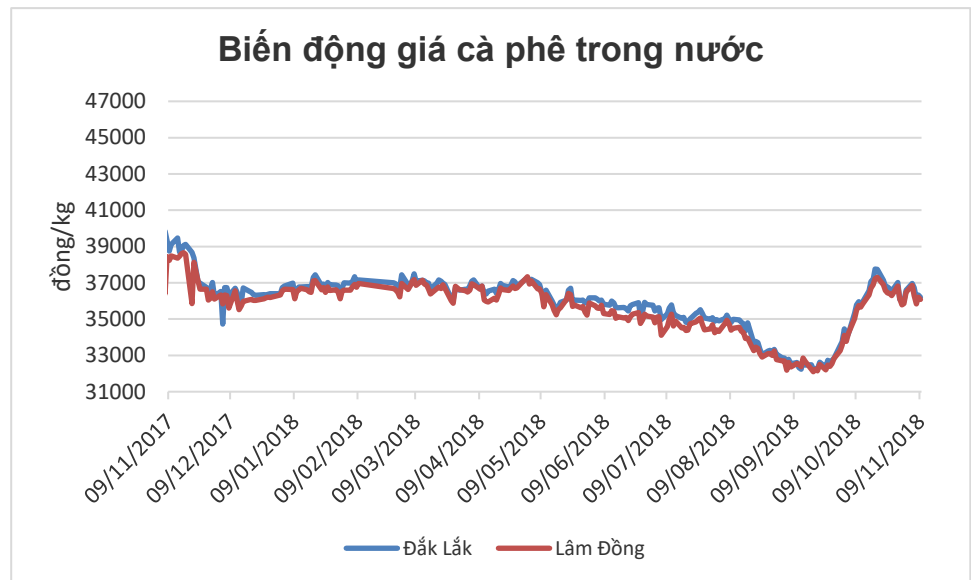
ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tại các tỉnh Tây Nguyên tăng nhẹ so với tuần trước.

Giá cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) tăng 0,2% so với tuần trước lên mức 1.579 USD/tấn.

Dak Lak khuyến cáo bà con nông dân tuân thủ kỹ thuật thu hái khi mùa thu hoạch đã đến.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê trong nước tuần này đảo chiều, tăng nhẹ so với tuần trước. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 36.480 đồng/kg, tăng 150 đồng so với mức giá tuần trước và thấp hơn 13,3% so với cùng kỳ năm 2017. Tại Lâm Đồng, giá cà phê tăng xấp xỉ 50 đồng so với tuần trước, lên mức 36.250 đồng/kg, và thấp hơn 11,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này tăng nhẹ 0,2% so với tuần trước lên mức 1.579 USD/tấn và vẫn thấp hơn 4,3% so với cùng kỳ năm 2017 [5].

Giá cà phê trong nước biến động tỷ lệ thuận với diễn biến giá cà phê quốc tế nên tuần qua giá cà phê nội địa đã có thay đổi tích cực dù biên độ ở mức nhỏ. Theo chuyên gia trong ngành, thời gian từ đầu tháng 10 đến nay giá cà phê có cải thiện so với những tháng trước, song đây chỉ là những biến động ngắn trong thời điểm đầu vụ tại Việt Nam. Thông thường, giá cà phê dịp Giáng Sinh và cuối năm có thể chứng lại nên người dân cần tỉnh táo và quyết đoán trong từng quyết định của mình đảm bảo giá và biên lợi nhuận, sản lượng cung ứng trong thị trường, tránh rủi ro, thiệt hại nhiều nhất có thể. [8].



Tại Sơn La, ngày 08/11, tập đoàn Phúc Sinh đã khai trường nhà máy thứ 6 trong hệ thống của tập đoàn, đặt tại huyện Mai Sơn của tỉnh Sơn La. Nhà máy có diện tích 4ha, công suất 20.000 tấn quả tươi/ năm, giúp các sản phẩm cà phê chuẩn UTZ và BRC mang thương hiệu Sơn La sẽ trực tiếp cung cấp cho thị trường trong nước và quốc tế. [9].

Theo báo Đak Lak, các cơ quan chức năng thời gian gần đây thường xuyên tuyên truyền vận động người dân tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật thu hái khi thời điểm thu hoạch đã đến. Cụ thể, các địa phương trong tỉnh tăng cường tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân không thu hái cà phê xanh, bảo đảm tỉ lệ cà phê chín khi hái đạt trên 95%. Trường hợp tận thu cuối vụ phải bảo đảm tỉ lệ chín tối thiểu 80%, đồng thời thông báo sẽ xử lý nghiêm đối với các trường hợp thu hái, mua bán cà phê xanh, non. Ngoài ra, Sở Công thương tỉnh chủ trì, phối hợp với các bên liên quan tăng cường công tác thanh, kiểm tra nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi gian lận thương mại trong thu mua, chế biến, tiêu thụ cà phê. [9]

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <http://www.scasa.co.za>
- [3]. <https://www.comunicaffe.com>
- [4]. <https://www.CNBC.com>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. <https://www.vneconomy.vn>
- [7]. <https://www.vov.vn>
- [8]. <https://www.customs.vn>
- [9]. Vietnambiz.vn
- [10]. Vinanet.vn



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
Củ M'gar (xô vối)	37.167	36.367	35.633	36.267	36.133	-27
Ea H'leo (xô vối)	37.033	36.367	36.000	36.267	36.367	53
Krông Năng (xô vối)	36.867	36.967	36.367	36.333	36.167	227
<i>Giá công ty</i>						
Củ M'gar (xô vối)	37.500	36.700	36.000	36.600	36.500	-20
Ea H'leo (xô vối)	37.300	36.700	36.300	36.500	36.700	80
Krông Năng (xô vối)	37.100	37.100	36.500	36.500	36.300	240
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	36.567	36.200	35.600	35.800	35.667	67
Di Linh (xô vối)	36.500	35.867	35.300	35.700	35.500	-147
Lâm Hà (xô vối)	37.500	36.800	36.600	37.100	37.100	200
Đà Lạt (xô chè)	54.667	52.667	51.000	52.000	53.000	1867
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	37.067	36.700	36.100	36.300	36.167	67
Di Linh (xô vối)	37.000	36.400	35.800	36.200	36.000	-140
Lâm Hà (xô vối)	38.000	37.300	37.100	37.600	37.600	220
Đà Lạt (xô chè)	55.667	54.667	52.000	53.000	54.000	2067
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xô vối)	37.050	36.400	36.250	36.000	36.350	-40
Đắk R'lấp (xô vối)	36.933	36.933	35.767	36.300	36.167	187
Đắk Song (xô vối)	37.050	37.050	35.850	36.350	36.250	160
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xô vối)	37.400	36.700	36.600	36.300	36.650	-10



Đắk Lắk (xô vối)	37.233	37.233	36.067	36.567	36.467	167
Đắk Song (xô vối)	37.400	37.400	36.150	36.700	36.550	150
Gia Lai						
<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xô vối)	36.800	36.100	35.700	36.300	36.300	0
Plei ku (xô vối)	36.900	36.167	35.800	36.300	36.300	-40
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xô vối)	37.433	36.733	36.300	36.800	36.800	20
Pleiku (xô vối)	37.500	36.800	36.433	36.833	36.833	-53
Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xô vối)	36.600	36.700	36.100	36.100	35.900	240
Đắk Hà (xô vối)	36.550	36.650	36.050	36.050	35.850	220
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xô vối)	36.800	36.800	36.200	36.400	36.000	160
Đắk Hà (xô vối)	36.800	36.800	36.200	36.200	36.000	240

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn

